

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh P**

Bản án số: 70/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18 – 9 – 2020

*“V/v tranh chấp HN&GD – Ly hôn,
nuôi con và chia tài sản”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Văn Đô;

- Các Hội thẩm nhân dân:

- 1. Bà Hồ Thị Mai Hương;**
- 2. Ông Phạm Phước Tâm.**

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Hồ Thị Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 425/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2020 về việc: *“Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con và chia tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 236/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/9/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích T1, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Tổ 05, ấp Tân H, xã Tân Thuận T2, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh Trần Văn P, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số nhà xxx, tổ 12, ấp x, xã Phong M, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị T1, anh P có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 13/7/2020; nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích T1 trình bày:

- Về hôn nhân: Chị T1 và anh P chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Thuận T2, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 02/3/2012.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến. Nguyên nhân do vợ chồng thiếu tin tưởng, mỗi khi anh P đi nhậu về thường kiểm chuyện hâm dọa chị T1. Từ tháng 8/2019 đến nay vợ chồng đã sống ly thân, nhiều lần chị T1 cho anh P cơ hội để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị Nguyễn Thị Bích T1 yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn P.

- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại văn bản ý kiến ngày 17/8/2020, bị đơn anh Trần Văn P có ý kiến:

- Về hôn nhân: Anh P đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T1.
- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ gồm:

- Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính);

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Bích T1 có đơn yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn P. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Tranh chấp hôn nhân, gia đình - Ly hôn, nuôi con và chia tài sản”.

Anh Trần Văn P là người bị kiện có nơi cư trú tại ấp 6, xã Phong Mỹ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.

Chị T1 và anh P có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T1 và anh P.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T1 và anh P tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Thuận T2, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 02/3/2012 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Do phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nên chị T1 và anh P đã ly thân với nhau từ tháng 8/2019 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, cả hai vợ chồng không ai liên lạc với ai và cũng không ai muốn đoàn tụ với nhau. Nhận thấy việc hàn gắn tình cảm là không thể nên chị T1 yêu cầu được ly hôn với anh P. Đồng thời, anh P có văn bản ghi ý kiến là cũng thống nhất ly hôn theo yêu cầu của chị T1. Hai bên không xây dựng được hạnh P, tình cảm không hàn gắn được và không ai quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Từ những phân tích nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị T1 và anh P đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị T1.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị T1 và anh P thống nhất vợ chồng không có con chung, nợ chung. Đối với tài sản chung tự thỏa T1 và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị Bích T1 phải nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị T1 đã nộp theo Biên lai số 0003997 ngày 05/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 51, khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Bích T1.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích T1 được ly hôn với anh Trần Văn P.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Chị T1 và anh P thống nhất tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Bích T1 phải nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị T1 đã nộp theo Biên lai số 0003997 ngày 05/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Đối với các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H. Cao L;
- CC THADS H. Cao L;
- TAND tỉnh ĐT;
- UBND xã;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Đô